

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/6/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Nam.

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

- **Bị đơn:** Anh Đặng Xuân T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh H.

Phiên tòa: Có mặt chị H, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2023, lời khai, lời trình bày của chị Đặng Thị H với nội dung như sau:

Chị Đặng Thị H và anh Đặng Xuân T tự tìm hiểu, tổ chức lễ cưới có sự chứng kiến của gia đình, bạn bè hai bên vào ngày 16/8/1999 âm lịch và tự

nguyện chung sống cùng nhau như vợ chồng từ sau khi cưới nhưng cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn nhưng đều được gia đình hòa giải hàn gắn. Từ tháng 4 năm 2019 đến nay mâu thuẫn căng thẳng, chị H về nhà bố mẹ để sinh sống, mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H cho rằng, chị không còn tình cảm với anh T, không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nữa, đề nghị được ly hôn với anh T.

Ý kiến của anh T lưu tại hồ sơ vụ án: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và được gia đình bố mẹ hai bên tổ chức lễ cưới cho theo phong tục địa phương, anh chị đã chung sống cùng nhau từ năm 1999 cho đến nay vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của anh chị mâu thuẫn từ năm 2007 do chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, vì các con anh Tuấn tha thứ nên anh chị đoàn tụ. Năm 2014, anh T có mâu thuẫn cãi chửi nhau với gia đình bố mẹ chị H. Từ tháng 7/2017 đến nay chị H không về nhà ở cùng anh T nữa, nhiều lần anh T nhắn tin điện thoại xin lỗi và mong muốn anh chị đoàn tụ nhưng chị H không trả lời. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

- Về con chung: Chị H và anh T đều xác nhận anh chị có 04 con chung là cháu Đặng Xuân Q, sinh ngày 18/8/2002; Đặng Xuân K, sinh ngày 25/01/2005; Đặng Xuân Đ, sinh ngày 16/3/2014 và cháu Đặng Xuân D, sinh ngày 31/5/2016. Hiện nay cháu Q và cháu K đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, trưởng thành tự lập anh T và chị H không còn phải nuôi dưỡng nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q và cháu K. Cháu Đ và cháu D đang ở với anh T. Chị H và anh T đều đề nghị xin được nuôi cháu Đ và cháu D, chị H không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung, anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ và cháu D là 500.000đồng/cháu/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, anh Đặng Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Đặng Xuân T là không hợp pháp vì anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng cho

đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa chị Đặng Thị H và anh Đặng Xuân T.

Chị H và anh T có 04 con chung là cháu Đặng Xuân Q, sinh ngày 18/8/2002; Đặng Xuân K, sinh ngày 25/01/2005; Đặng Xuân Đ, sinh ngày 16/3/2014 và cháu Đặng Xuân D, sinh ngày 31/5/2016. Hiện nay cháu Đặng Xuân Q và Đặng Xuân K đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, trưởng thành tự lập, chị H và anh T không còn phải nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Cháu Đ và cháu D đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi cháu Đ và cháu D, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu D là 500.000đ/tháng/cháu. Nguyện vọng nuôi con của chị H và anh T là chính đáng, đảm bảo điều kiện nuôi con. Đề nghị giao cháu Đ cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu D cho chị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đôi bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Đối với phần tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị H và anh T không yêu cầu nên không phải giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị H với anh Đặng Xuân T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Đặng Xuân T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đặng Thị H và anh Đặng Xuân T tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1999. Mặc dù có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng từ đó đến nay chị H và anh T vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định

tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay, do anh chị mâu thuẫn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T. Do chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Đặng Thị H và anh Đặng Xuân T có 04 con chung là cháu Đặng Xuân Q, sinh ngày 18/8/2002; Đặng Xuân K, sinh ngày 25/01/2005; Đặng Xuân Đ, sinh ngày 16/3/2014 và cháu Đặng Xuân D, sinh ngày 31/5/2016. Hiện nay cháu Đặng Xuân Q và Đặng Xuân K đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, trưởng thành tự lập, chị H và anh T không còn phải nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Cháu Đ và cháu D đang ở với anh Tuấn, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị H và anh Tuấn đều có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu Đ và cháu D là 500.000đ/cháu/tháng.

Xét nguyện vọng của chị H và anh T về việc nuôi con chung là chính đáng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Đ cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Cháu D ít tuổi hơn cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu D cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do mỗi người nuôi một con nên chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị H với anh Đặng Tuấn T.

2. Về con chung:

Xác nhận chị Đặng Thị H và anh Đặng Xuân T có 04 con chung là cháu Đặng Xuân Q, sinh ngày 18/8/2002; Đặng Xuân K, sinh ngày 25/01/2005; Đặng Xuân Đ, sinh ngày 16/3/2014 và cháu Đặng Xuân D, sinh ngày 31/5/2016.

Cháu Đặng Xuân Q và Đặng Xuân K đã đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, trưởng thành tự lập, chị H và anh T không còn phải nuôi dưỡng, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết

Giao cháu Đặng Xuân Đ, sinh ngày 16/3/2014 cho anh Đặng Xuân T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Giao cháu Đặng Xuân D, sinh ngày 31/5/2016 cho chị Đặng Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị H và anh Đặng Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác:

Chị H và anh T không yêu cầu do đó không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được đối trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0000832 ngày 07/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án,

đối với bị đơn thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã Nhân Thịnh;
- Đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hân